|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO**

**Tóm tắt kết quả kỳ họp chuyên đề thứ 22 và 23 HĐND tỉnh khoá X**

*(Tài liệu phục vụ TXCT của đại biểu HĐND tỉnh)*

Từ sau kỳ họp thường lệ giữa năm đến trước kỳ họp thường lệ cuối năm 2024, HĐND tỉnh đã tổ chức 02 kỳ họp chuyên đề thứ 22, 23. Cụ thể như sau:

**I.** **NỘI DUNG KỲ HỌP THỨ 22 *(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)***

Kỳ họp thứ 22 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 *(kỳ họp chuyên đề)* tổ chức trong 01 ngày 27/9/2024 và thống nhất thông qua 04 nghị quyết chuyên đề, 01 nghị quyết về kết quả kỳ họp và thực hiện công tác cán bộ thuộc thẩm quyền, cụ thể:

**1. Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh quyết định số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, năm học 2024 - 2025**

Quyết định số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, năm học 2024 - 2025 là 143 chỉ tiêu, trong đó: Bậc mầm non: 47 chỉ tiêu, bậc tiểu học: 20 chỉ tiêu, bậc THCS: 67 chỉ tiêu, bậc THPT: 09 chỉ tiêu.

**2. Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh về phân bổ, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024, dự toán chi thường xuyên chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã được chuyển nguồn sang năm 2024 của các chương trình mục tiêu quốc gia *(lần 3)***

a) Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên của các địa phương không thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025: 28.169.200.293 đồng.

b) Phân bổ, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên các chương trình mục tiêu quốc gia cho 02 địa phương thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025: 76.492.600.000 đồng.

**3. Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án (bổ sung) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 03 dự án *(bổ sung)* năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với tổng diện tích 95,517 ha *(trong đó: Rừng tự nhiên 39,064 ha; rừng trồng 56,453 ha)*, gồm: (1) Dự án Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang; (2) Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn; (3) Dự án Khắc phục hậu quả thiên tai khu vực sạt lở đất tại tổ 1, thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới.

**4. Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh thông qua chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và đất rừng sản xuất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến Chợ Mới - Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn**

Thông qua chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và đất rừng sản xuất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến Chợ Mới - Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn do Ban Quản lý dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải với diện tích 564.600 m² đất trồng lúa và 1.832.700 m² đất rừng sản xuất.

**5. Các Nghị quyết về công tác cán bộ**

Tại kỳ họp thứ 22 *(kỳ họp chuyên đề)* HĐND tỉnh đã thực hiện công tác cán bộ và ban hành 05 nghị quyết về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền, gồm:

- Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 về miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch UBND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Phạm Duy Hưng để nhận nhiệm vụ khác là Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

- Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 miễn nhiệm Ủy viên UBND tỉnh Bắc Kạn khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Hà Sỹ Huân, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nhận nhiệm vụ khác là Phó Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh và miễn nhiệm nhiệm Ủy viên UBND tỉnh Bắc Kạn khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với bà Hà Thị Liễu, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để nhận nhiệm vụ khác là Bí thư Đảng ủy Các cơ quan tỉnh.

- Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với bà Hoàng Thu Trang để nhận nhiệm vụ khác.

- Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 xác nhận kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với bà Hoàng Thu Trang.

- Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 xác nhận kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch HĐND tỉnh Bắc Kạn khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với bà Trần Thị Lộc.

**6. Nghị quyết về kết quả kỳ họp thứ 22 HĐND tỉnh *(kỳ họp chuyên đề).***

**II.** **NỘI DUNG KỲ HỌP THỨ 23 *(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)***

Kỳ họp thứ 23 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 *(kỳ họp chuyên đề)* tổ chức trong 01 ngày 30/10/2024 và thống nhất thông qua 21 nghị quyết chuyên đề, 01 nghị quyết về kết quả kỳ họp và thực hiện công tác cán bộ thuộc thẩm quyền, cụ thể:

**1. Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh quy định tặng Kỷ niệm chương *“Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Bắc Kạn”***

Nghị quyết này quy định về tên gọi, nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn, trường hợp ưu tiên xét tặng, mẫu bằng, mẫu kỷ niệm chương và mức tiền thưởng kèm theo Kỷ niệm chương cho cá nhân có nhiều đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh Bắc Kạn.

Tên gọi: Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Bắc Kạn”.

Về nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng và mức tiền thưởng: Cơ bản giữ nguyên theo Nghị quyết 20/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đồng thời, bổ sung một số nội dung về tiêu chuẩn như sau:

- Điều chỉnh thời gian công tác đối với nhóm đối tượng là người hoạt động không chuyên trách cấp xã; Bí thư Chi bộ, Trưởng ban công tác Mặt trận, Trưởng thôn, bản, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu từ “10 năm trở lên” thành “từ 15 năm trở lên”.

- Bổ sung tiêu chuẩn: *“Đã được tặng 02 lần Bằng khen của Tỉnh ủy”* đối với nhóm đối tượng là cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức, người lao động và tiêu chuẩn *“Đã được tặng Giấy khen của Đảng bộ huyện, thành phố”* đối với nhóm đối tượng là người hoạt động không chuyên trách cấp xã; Bí thư Chi bộ, Trưởng ban công tác Mặt trận, Trưởng thôn, bản, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu.

Cá nhân đã được tặng Huy hiệu “Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Bắc Kạn” theo quy định tại Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về việc tặng Huy hiệu “Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Bắc Kạn” thì không xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định tại Nghị quyết này *(Huy hiệu “Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Bắc Kạn” có giá trị tương đương với Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Bắc Kạn”).*

**2. Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Kạn**

Đề án gồm những nội dung chính sau:

a) Phần I: Sự cần thiết kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân

- Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn ban hành Đề án

- Về cơ cấu tổ chức và bộ máy.

- Nguồn vốn đến ngày 31/12/2023 là 5.829.006.391 đồng được hình thành từ 03 nguồn, trong đó: Nguồn vốn ngân sách cấp là 5.194.191.500 đồng, nguồn vận động ủng hộ là 568.087.315 đồng, nguồn vốn bổ sung từ hoạt động là 66.727.576 đồng.

Việc cho vay vốn: Đã triển khai cho 695 hộ hội viên nông dân vay vốn nguồn tỉnh với doanh số cho vay là trên 17.000.000.000 đồng; doanh số thu nợ trên 12.000.000.000 đồng/576 hộ vay.

- Sự cần thiết và tính khả thi của việc tiếp tục triển khai hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

b) Phần II: Nội dung của Đề án

- Tên gọi và địa điểm trụ sở chính

- Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và người đại diện pháp luật

- Nguyên tắc, mục tiêu, phạm vi hoạt động

- Chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của Quỹ Hỗ trợ nông dân

- Cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự của Quỹ Hỗ trợ nông dân (Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Ban Điều hành Quỹ gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc).

- Hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân sau khi kiện toàn:

+ Tổng số vốn đến hết năm 2030: 56.354.006.391 đồng. Trong đó: Vốn điều lệ của Quỹ do ngân sách cấp:55.194.191.500 đồng; vốn vận động ủng hộ:918.087.315 đồng; vốn tự bổ sung từ hoạt động:306.727.576 đồng.

+ Kế hoạch tăng vốn, sử dụng vốn và kế hoạch tài chính.

- Phương án chia tách, sáp nhập Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện: Theo dự thảo Đề án không có nội dung sáp nhập Quỹ của các huyện vào Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

**3. Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Nghị quyết bãi bỏ Điều 2 của Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng; đồng thời dẫn chiếu thực hiện mức chuẩn trợ giúp xã hội là 500.000 đồng theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

**4. Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thuộc tỉnh Bắc Kạn thực hiện**

Nghị quyết quy định việc đón tiếp các đoàn đại biểu, cá nhân theo khoản 1 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTgngày 22 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước có sử dụng ngân sách tỉnh Bắc Kạn.

- Các cá nhân được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thuộc tỉnh đến thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng gồm có:

+ Các vị lão thành cách mạng, chiến sĩ cách mạng tiêu biểu, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang;

+ Người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số, các nhân sỹ, trí thức tiêu biểu có đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

+ Người Việt Nam ở nước ngoài tiêu biểu có quan hệ mật thiết và đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

+ Các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Đối với chi tặng quà chúc mừng nhân ngày Tết nguyên đán, ngày lễ hoặc ngày lễ trọng *(ngày lễ kỷ niệm trọng thể nhất của từng dân tộc):*

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện mức 800.000 đồng/người/lần; không quá 1.600.000 đồng/người/năm.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện thực hiện mức 500.000 đồng/người/lần; không quá 1.000.000 đồng/người/năm.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thực hiện mức 300.000 đồng/người/lần; không quá 600.000 đồng/người/năm.

- Đối với chi thăm hỏi khi ốm đau phải điều trị tại cơ sở y tế:

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện mức 2.000.000 đồng/người/lần; tối đa 01 lần/năm.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện thực hiện mức 1.000.000 đồng/người/lần; tối đa 01 lần/năm

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thực hiện mức 500.000 đồng/người/lần; tối đa 01 lần/năm.

- Đối với chi thăm hỏi khi ốm đau hoặc gặp khó khăn về kinh tế:

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện mức 2.000.000 đồng/người/lần; tối đa 01 lần/năm.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện thực hiện mức 1.500.000 đồng/người/lần; tối đa 01 lần/năm

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thực hiện mức 1.000.000 đồng/người/lần; tối đa 01 lần/năm.

- Đối với chi phúng viếng khi cá nhân qua đời *(bao gồm cả vòng hoa):*

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện mức 2.000.000 đồng/người.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện thực hiện mức 1.000.000 đồng/người.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thực hiện mức 800.000 đồng/người.

**5. Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 quy định về một số chính sách hỗ trợ khắc phục hậu quả do ảnh hưởng của bão số 3 (*Yagi)* năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Nghị quyết này quy định về chính sách không thu học phí đối với trẻ em và học sinh thuộc các hộ gia đình bị thiệt hại do ảnh hưởng của bão số 3 (Yagi) năm 2024, đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh trong năm học 2024-2025 và hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế trong 3 tháng đối với người thuộc các hộ gia đình bị thiệt hại do ảnh hưởng của bão số 3 (Yagi) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết áp dụng đối với người dân có nơi cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, thuộc các hộ gia đình bị thiệt hại do ảnh hưởng của bão số 3 *(Yagi)* năm 2024, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Hộ bị sập nhà hoàn toàn và nhà hư hỏng trên 70% không thể khôi phục lại phải làm mới;

- Hộ có nhà bị hư hỏng rất nặng thiệt hại từ 50-70%; hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng thiệt hại từ 30% trở lên;

- Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở cao;

- Hộ có nhà ở bị ngập nước từ 03 ngày trở lên;

- Hộ bị thiệt hại về kinh tế được hưởng chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ.

**6. Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Bắc Kạn *(lần 2)***

Điều chỉnh giảm quy mô đầu tư đã được phê duyệt theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 14/7/2021, cụ thể: Cắt giảm hạng mục Xây dựng đường băng trắng cản lửa.

**7. Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án *(bổ sung)* năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 03 dự án *(bổ sung)* năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với tổng diện tích 0,780 ha rừng trồng, gồm: (1) Dự án Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và xử lý các điểm mất ATGT đoạn Km264+800 - Km265+600; Km266+00 - Km267+300; Km267+600 - Km270+00, QL279, tỉnh Bắc Kạn *(tại xã Kim Hỷ, huyện Na Rì)*; (2) Dự án Đầu tư cơ sở vật chất Trường mầm non Nà Khoang; (3) Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể *(phần diện tích bổ sung).*

**8. Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất để thực hiện trong năm 2024**

Thông qua danh mục bổ sung 15 công trình, dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai năm 2024.

Chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất theo quy định tại khoản 1, Điều 122 Luật Đất đai năm 2024 để thực hiện 11 công trình, dự án.

**9. Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 dự án hoặc kế hoạch thuê.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 dự án hoặc kế hoạch thuê của cơ quan, đơn vị mình; quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động từ 500 triệu đồng trở lên đến dưới 01 tỷ đồng/01 dự án hoặc kế hoạch thuê của cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đến dưới 01 tỷ đồng/01 dự án hoặc kế hoạch thuê của cơ quan, đơn vị trực thuộc và tương đương và của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và tương đương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 dự án hoặc kế hoạch thuê.

**10. Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Phục dựng, tôn tạo một số hạng mục di tích lịch sử Đồn Phủ Thông *(lần 2)***

Quy mô đầu tư điều chỉnh: Bổ sung các hạng mục: San nền, kè đá, sân; ụ hoả lực; bức phù điêu và các hạng mục phụ trợ khác.

**11. Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND như sau: Sửa đổi, bổ sung một số nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Điều 152 và điểm a khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND như sau: Trong tổng số 11 nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp tỉnh, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung nội dung của 03 nhiệm vụ để phù hợp theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND như sau: Trong tổng số 06 nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp huyện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung nội dung của 01 nhiệm vụ và lược bỏ 01 nhiệm vụ để phù hợp theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND như sau: Trong tổng số 04 nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp xã được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung nội dung của 01 nhiệm vụ để phù hợp theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**12. Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn**

Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với:

- Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

- Tài sản khác có giá trị mua sắm từ 02 tỷ đồng trở lên trên một đơn vị tài sản; 05 tỷ đồng trở lên trên một lô tài sản cho một lần mua sắm; lô tài sản có giá trị mua sắm dưới 05 tỷ đồng cho một lần mua sắm trong đó có một tài sản có giá trị từ 02 tỷ đồng trở lên đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

b) Đối với việc mua sắm tài sản trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

- Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh: Quyết định mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do đơn vị mình quản lý, thực hiện trừ trường hợp quy định tại điểm c, d khoản này.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên trên một đơn vị tài sản hoặc một lô tài sản cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc một lô tài sản cho một lần mua sắm.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức; cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 200 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc một lô tài sản cho một lần mua sắm.

Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn *(bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh)* thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

**13. Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh về phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2024 *(bổ sung lần 4)***

Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2024 *(bổ sung lần 4)* với tổng số tiền 137.575.939.000 đồng*(Một trăm ba mươi bảy tỷ, năm trăm bảy mươi năm triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn đồng)*, cụ thể như sau:

- Nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tỉnh điều hành năm 2024:6.739,953 triệu đồnghỗ trợ thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức.

- Nguồn cải cách tiền lương năm 2024: 3.215,306 triệu đồng kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ.

- Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình MTQG: 365,680 triệu đồng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022, 2023 đã thu hồi về ngân sách tỉnh *(lần 3).*

- Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương năm 2024: 127.255 triệu đồng, gồm: (1) Nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tỉnh điều hành: 23.636,325 triệu đồng; (2) Nguồn cải cách tiền lương tỉnh điều hành: 69.578,675 triệu đồng; (3) Nguồn sự nghiệp đảm bảo xã hội tỉnh điều hành: 34.040 triệu đồng.

**14. Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh về điều chỉnh dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024**

- Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh đã phân bổ cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh do thực hiện tiết kiệm 5% chi thường xuyên: 9.720 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo ngân sách tỉnh điều hành năm 2024: 776 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2024: 8.189 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng nguồn kinh phí trung ương bổ sung có mục tiêu để quản lý, bảo trì đường bộ ngân sách tỉnh điều hành năm 2024: 755 triệu đồng.

**15. Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở miền Bắc Việt Nam tại tỉnh Bắc Kạn**

Quy mô: Dự án gồm 4 hợp phần, cụ thể như sau: Hợp phần 1: Tăng cường cơ sở hạ tầng sản xuất và phân phối. Hợp phần 2: Thúc đẩy quy trình chế biến sản phẩm. Hợp phần 3: Mở rộng khả năng tiếp cận thị trường. Hợp phần 4: Quản lý dự án.

Địa điểm: Huyện Ba Bể, huyện Na Rì và thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2029

Tổng mức đầu tư: 288,92 tỷ đồng, tương đương 11,91 triệu đô la Mỹ.

Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ODA không hoàn lại: 10,00 triệu đô la Mỹ, tương đương 242,55 tỷ đồng. Vốn đối ứng: 46,37 tỷ đồng, tương đương 1,91 triệu đô la Mỹ.

Cơ chế tài chính trong nước:

- Đối với vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc: Ngân sách nhà nước cấp phát 100% theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.

- Đối với vốn đối ứng: Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn bố trí 100% vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương.

**16. Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án *“Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn”* - Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn**

- Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư của Dự án từ 1.071.289 triệu đồng lên 1.096.318 triệu đồng. Cụ thể: Điều chỉnh tăng vốn ODA từ 757.350 triệu đồng lên 782.379 triệu đồng *(tăng 25.029 triệu đồng do chênh lệch về tỷ giá).*

- Bổ sung hạng mục: *“Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT258B, tỉnh Bắc Kạn (đoạn Km37+00 - Km55+00)”* sử dụng nguồn vốn còn dư của Dự án.

**17. Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 *(sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022)* của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Sửa đổi, bổ sung 05 nội dung*, gồm:* (1) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 2 Điều 9; (2) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 11; (3) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất Điều 14; (4) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất Điều 15; (5) Sửa đổi, bổ sung Điều 16 của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND *(sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022) của HĐND tỉnh.*

**18. Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 05/11/2024 của HĐND tỉnh Quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

a) Phân bổ dự toán chi thường xuyên các chương trình mục tiêu quốc gia:

Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách hằng năm cho các huyện, thành phố theo tổng mức kinh phí của từng chương trình mục tiêu quốc gia; đồng thời, Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp cho Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến dự án thành phần.

b) Định mức hỗ trợ cho các chủ dự án *(đơn vị chủ trì liên kết/cộng đồng dân cư)* trực tiếp sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ để đưa vào thực hiện dự án phát triển sản xuất do chính chủ dự án này thực hiện:

Định mức hỗ trợ bằng 100% giá của thị trường tại thời điểm đưa sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ vào thực hiện dự án phát triển sản xuất nhưng không cao hơn mức giá của cơ quan được giao dự toán thông báo. Phương pháp xác định giá của cơ quan được giao dự toán thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và quy định pháp luật khác có liên quan.

**19. Nghị quyết** **số 70/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 *(lần 13)***

a) Điều chỉnh tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:

Điều chỉnh giảm nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 145.471 triệu đồng. Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh là: 3.735.440 triệu đồng, trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 2.297.600 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 981.711 triệu đồng.

- Xổ số kiến thiết: 96.836 triệu đồng.

- Bội chi ngân sách địa phương: 49.060 triệu đồng.

- Nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi: 310.233 triệu đồng.

b) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

- Nguồn vốn chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước: Tổng kế hoạch vốn thực hiện điều chỉnh 66.149 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: Giảm 145.471 triệu đồng, trong đó: Cấp tỉnh điều hành giảm 132.796 triệu đồng; cấp huyện điều hành giảm 12.675 triệu đồng.

- Nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi: Tổng kế hoạch vốn thực hiện điều chỉnh 48.462 triệu đồng.

- Đính chính tên của 02 dự án được giao kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 - Nguồn vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2022.

**20. Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương *(lần 3)***

a) Điều chỉnh tổng kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương:

Điều chỉnh giảm nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 123.908 triệu đồng. Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh là: 782.842 triệu đồng *(giảm 123.908 triệu đồng)*, trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 430.372 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 176.092 triệu đồng.

- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 20.000 triệu đồng.

- Bội chi ngân sách địa phương: 2.800 triệu đồng.

- Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi: 153.578 triệu đồng.

b) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 3)

- Điều chỉnh kế hoạch vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 24.720 triệu đồng

- Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn thu tiền sử dụng đất:

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn cấp tỉnh điều hành và cấp huyện điều hành của 03 địa phương: 125.450 triệu đồng.

+ Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cấp huyện điều hành của 03 địa phương: 1.542 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách: 57.362 triệu đồng

**21. Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi *(lần 3)***

Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như sau: Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 điều chỉnh là 17.849 triệu đồng *(trong đó: Ngân sách trung ương 17.196 triệu đồng; ngân sách địa phương 653 triệu đồng)*.

**22. Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 xác nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên UBND tỉnh Bắc Kạn khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026** đối với bà Đỗ Thị Hiền, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và ông Triệu Đức Văn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**23. Nghị quyết về kết quả kỳ họp thứ 23 HĐND tỉnh *(kỳ họp chuyên đề)***